

TÌNH HÌNH KINH TẾ XÃ HỘI 2001-2003 CỦA TỈNH THANH HOÁ

Phạm Đình Đắc

Phó Cục trưởng Cục Thống kê Thanh Hoá

Thanh Hoá nằm ở vùng bắc Trung bộ, cách Hà nội 150 km về phía Nam. Diện tích tự nhiên 11.112,4 km², dân số trung bình năm 2003 là 3,647 triệu người. Đơn vị hành chính gồm 1 thành phố, 2 thị xã, 24 huyện thị với 636 xã, phường, thị trấn. Thanh Hoá có 3 vùng kinh tế miền núi - trung du, đồng bằng và ven biển, với nguồn tài nguyên phong phú về đất, rừng, biển, khoáng sản, nước và lao động có lợi thế để phát triển toàn diện sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, công nghiệp và dịch vụ du lịch.

Nhìn lại 3 năm (2001-2003) thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội Thanh Hoá đã không ngừng phấn đấu, chủ động nắm bắt thời cơ, vượt qua thách thức, phát huy thuận lợi, khắc phục khó khăn giành nhiều thành tích quan trọng và khá toàn diện, tạo đà cho việc thực hiện thắng lợi kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2001 - 2005.

Điểm nổi bật trong 3 năm 2001 - 2003 là kinh tế của tỉnh tăng trưởng cao và liên tục. Tổng sản phẩm trong tỉnh (GDP) năm 2001 tăng 8,2%, năm 2002 tăng 9,25%, năm 2003 tăng 9,7%, bình quân mỗi năm tăng 9,05%. Các nguồn lực cho đầu tư phát triển được huy động tốt hơn, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tích cực, tăng tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và một số ngành dịch vụ, giảm dần tỷ trọng nông, lâm, thủy sản. Cơ cấu của khu vực I (nông, lâm nghiệp, thủy sản) từ 39,6% năm 2000 giảm

xuống còn 35,7% năm 2003. Khu vực II (công nghiệp, xây dựng) từ 26,6% tăng lên 31,4% trong thời gian tương ứng. Thu ngân sách Nhà nước ngày càng tăng, năm sau cao hơn năm trước, năm 2003 đạt 1021 tỷ đồng, lần đầu tiên Thanh Hoá vào nhóm các tỉnh có nguồn thu ngân sách 1000 tỷ đồng, đánh dấu một bước ngoặt quan trọng trong quá trình phấn đấu của Thanh Hoá ...

Thứ hai, các ngành kinh tế chủ yếu của tỉnh đều có bước phát triển khá theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

- Sản xuất nông, lâm, thủy sản phát triển tương đối toàn diện, năm sau cao hơn năm trước. Có nhiều mô hình phát triển mạnh theo hướng sản xuất hàng hoá, gắn với việc khai thác tiềm năng kinh tế biển và kinh tế trung du miền núi. Kinh tế trang trại, nhất là trang trại chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản phát triển nhanh. Năm 2003 toàn tỉnh có 2320 trang trại các loại, tăng 450 trang trại so với năm 2000. Các loại cây con có năng suất và hiệu quả thấp được thay thế bằng các loại cây, con có năng suất và hiệu quả cao hơn.

Sản xuất lương thực phát triển nhanh cả năng suất và sản lượng. Năng suất lúa đạt 49,8 tạ/ha gieo trồng tăng 7,2 tạ/ha so với năm 2000, ngô đạt 36,3 tạ/ha tăng 9 tạ/ha. Sản lượng lương thực có hạt bình quân năm thời kỳ 2001-2003 đạt 1401 nghìn tấn, tăng bình quân 332 nghìn tấn so với thời kỳ 1996-

2000. Năm 2003 đạt 1464 nghìn tấn, tăng 242 nghìn tấn so với năm 2000.

Các vùng cây công nghiệp tập trung, chuyên canh gắn với công nghiệp chế biến có điều kiện phát triển. Đến năm 2003 đã hình thành vùng nguyên liệu mía 32000 ha, cung cấp cho 3 nhà máy đường, 6000 ha sắn tập trung phục vụ 2 nhà máy chế biến tinh bột sắn, cao su 7400 ha, cà phê 3500 ha, dứa 3000 ha, vùng nguyên liệu giấy 100000 ha, v.v...

Chăn nuôi gia súc, gia cầm tăng cả số lượng và chất lượng. Các dự án cải tạo tầm vóc đàn bò, chăn nuôi bò sữa, lợn ngoại hướng nạc đem lại hiệu quả cho nông dân. Năm 2003, đàn bò của tỉnh có 243,3 nghìn con, tăng 10 nghìn con so năm 2000, trong đó bò lai sữa chiếm 29%, đàn bò sữa giống ngoại 1925 con bước đầu có hiệu quả. Mô hình chăn nuôi có quy mô lớn phát triển nhanh, toàn tỉnh có 3570 hộ nuôi từ 10 con trâu, bò trở lên, 73 hộ nuôi từ 500 gia cầm trở lên. Tỷ trọng chăn nuôi trong nông nghiệp tăng từ 17,3 % năm 2000 lên 20,7% năm 2003.

Ngành thủy sản phát triển toàn diện cả nuôi trồng và khai thác, dịch vụ hậu cần và chế biến, phương tiện đánh bắt tăng cả về số lượng và chất lượng. Tới năm 2003 toàn tỉnh có 4374 tàu thuyền cơ giới, với tổng công suất 113422 CV tăng 46350 CV so năm 2000, trong đó tàu trên 90 CV có 185 chiếc, với tổng công suất 31295 CV. Sản lượng thủy sản năm 2003 đạt 64000 tấn, tăng 15250 tấn so năm 2000. Nhiều diện tích lúa, cói năng suất thấp được chuyển sang nuôi trồng thủy sản, đem lại hiệu quả cao, giá trị sản xuất nuôi trồng trong giá trị sản xuất thủy sản tăng nhanh từ 28,5% năm 2000 lên 43 % năm 2003.

- Công nghiệp: Ba năm qua các doanh nghiệp công nghiệp tiếp tục được tổ chức và sắp xếp lại, đổi mới công nghệ; một số cơ sở công nghiệp lớn được đầu tư đi vào sản xuất ổn định. Kết quả thực hiện các chính sách khuyến khích phát triển kinh tế tư nhân, kinh tế tập thể của Đảng, Nhà nước nói chung và khuyến khích đầu tư vào các khu công nghiệp của tỉnh nói riêng đã thúc đẩy các cơ sở sản xuất công nghiệp tăng nhanh. Năm 2003, trên địa bàn tỉnh có 54498 cơ sở sản xuất tăng 7410 cơ sở năm 2000, trong đó có 48 hợp tác xã, tăng 32 cơ sở, có 68 doanh nghiệp tư nhân, tăng 46 cơ sở, có 70 công ty trách nhiệm hữu hạn, tăng 62 cơ sở, có 27 công ty cổ phần, tăng 7 cơ sở. Do đó, giá trị sản xuất công nghiệp có tốc độ tăng nhanh, bình quân năm thời kỳ 2001 - 2003 tăng 19,1%. Cơ cấu giá trị tăng thêm của ngành công nghiệp trong GDP từ 17,3% năm 2000 tăng lên 21,9% năm 2003. Một số sản phẩm công nghiệp chiếm tỷ trọng lớn, tốc độ tăng nhanh và có thị trường tiêu thụ ổn định là xi măng, đường, giấy, bao bì PP, đá xây dựng, v.v...

Thứ ba: Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội phát triển, từng bước đáp ứng yêu cầu của sản xuất và đời sống nhân dân.

Trong điều kiện nguồn vốn còn hạn hẹp, nhưng tỉnh và các huyện, thị xã thành phố, đã có cơ chế, chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế, phát huy các nguồn lực, nhất là nguồn lực trong dân để đầu tư, xây dựng kết cấu hạ tầng. Nhiều dự án quan trọng đã hoàn thành đưa vào phục vụ sản xuất đời sống. Cảng Nghi Sơn giai đoạn I, đường ra cảng mới đưa vào khai thác từ đầu năm 2003 đã có khối lượng hàng hoá thông qua cảng gần 500000 tấn. Một số tuyến đường quan trọng nhằm khai thác tiềm năng,

thế mạnh của miền núi, vùng cao, biên giới được hình thành và nâng cấp như Mực Sơn - Cửa Đạt - đường Hồi Xuân - Tén Tán 116 km, đường Lang Chánh Yên Thương 46 km... đường Hồ Chí Minh chạy qua các huyện miền núi 134 km. Các trục đường giao thông chính được nhựa và bê tông hoá, hầu hết các cầu qua sông lớn được xây dựng; giao thông nông thôn được nâng cấp, cải tạo, nhiều nơi được rải nhựa hoặc bê tông hoá. Hệ thống thuỷ lợi được đầu tư nâng cấp, cải tạo, xây dựng mới, kiên cố hoá kênh mương nội đồng ở miền xuôi cơ bản hoàn thành. Nhiều cơ sở sản xuất công nghiệp dịch vụ lớn được xây dựng đưa vào sản xuất như xi măng Nghi Sơn công suất 2,3 triệu tấn/năm, dây chuyền 2 xi măng Bỉm Sơn 1,2 triệu tấn/năm, đường Nông Cống 2000 tấn mía/ngày... Hệ thống điện lưới quốc gia hoàn thành 27/27 huyện thị, 90% số xã, 89% số huyện có điện lưới quốc gia (miền núi 53,0%). Bưu chính viễn thông được xây dựng và hiện đại hoá với tốc độ nhanh, 88,6% số xã (miền núi 34%) có điện thoại tăng 24,2% (103 xã) so năm 2000. Cơ sở vật chất các ngành giáo dục, y tế, văn hoá được tăng cường đáng kể. Năm 2003 tỷ lệ phòng học được kiên cố hoá 41% (năm 2000 là 25,6%), 98% trạm y tế xã, phường được xây dựng kiên cố và bán kiên cố, 81% số xã được phủ sóng truyền hình (miền núi 21%).

Thứ tư, đời sống nhân dân từng bước được cải thiện.

Được sự quan tâm của Chính phủ, các ngành Trung ương, sự lãnh đạo tập trung của Cấp uỷ, Chính quyền, sự phấn đấu nỗ lực của nhân dân, kinh tế phát triển với tốc độ cao nên đời sống nhân dân được cải thiện. Ba năm 2001-2003, Thanh Hoá đã giải quyết việc làm cho 109500 lao động, tỷ

lệ sử dụng thời gian lao động ở nông thôn từ 74% năm 2000 tăng lên 75,4% năm 2003, tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị giảm từ 6,3% xuống còn 5,9%. Ngân hàng chính sách đã cho 120420 lượt hộ người nghèo vay 286 tỷ đồng vốn trung hạn đầu tư phát triển sản xuất. Chương trình 135 của Chính phủ và các dự án xoá đói, giảm nghèo khác đã tạo ra cơ hội và điều kiện cho các hộ nhất là các hộ ở vùng nông thôn, miền núi có thêm việc làm, thoát cảnh đói nghèo. GDP bình quân thời kỳ 2001-2003 đạt 3,32 triệu đồng/ người, tăng 31,9% so thời kỳ 1996 - 2000, riêng năm 2003 đạt 3,67 triệu đồng/ người, tăng 31,4% so năm 2000. Lương thực có hạt bình quân năm 2003 đạt 400 kg/người, tăng 62 kg/ người so năm 2000, tỷ lệ hộ nghèo theo tiêu chí mới còn 15%, giảm 4,9%.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được tình hình kinh tế - xã hội của Thanh Hoá cũng còn nhiều thách thức, khó khăn, thể hiện ở chỗ:

- Kinh tế tăng trưởng khá, nhưng chất lượng tăng trưởng, hiệu quả, tính bền vững và sức cạnh tranh của nền kinh tế vẫn ở mức thấp. Tốc độ chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nông nghiệp, nông thôn còn chậm, nhất là cơ cấu lao động chuyển dịch chưa mạnh. Xuất phát điểm của nền kinh tế Thanh Hoá thấp. GDP bình quân đầu người mới bằng 2/3 mức bình quân chung của cả nước.

Các chỉ tiêu bình quân đầu người về xuất khẩu, về thu chi ngân sách, về sử dụng điện thoại, dịch vụ internet, tỷ lệ đường giao thông đường nhựa hoá và bê tông hoá... còn quá thấp so cả nước và nhiều tỉnh. Đây là thách thức lớn nhất đối với Thanh Hoá trong quá trình phấn đấu thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá. (tiếp theo trang 33)

- Một số vấn đề xã hội còn bất cập, việc làm cho người lao động vẫn còn bức xúc, đời sống nhân dân vùng sâu, vùng xa, vùng bị thiên tai còn nhiều khó khăn. Năm 2003, Thanh Hoá còn 15% hộ nghèo đói, riêng miền núi trên 27%. Sự phân hoá giàu nghèo và chênh lệch mức sống dân cư ngày càng lớn. Khoảng cách của 20% nhóm hộ có thu nhập cao nhất gấp 6,1 lần so với 20% nhóm hộ có thu nhập thấp nhất. Số xã và hộ chưa có điện lưới chưa có đường ô tô tới trung tâm xã, tỷ lệ nhà ở và phòng học tranh tre tập trung ở các huyện miền núi và núi cao còn lớn. Tốc độ đô thị hoá còn chậm, cơ cấu dân số thành thị ở Thanh Hoá năm 2003 mới chiếm 9,4% trong khi đó cả nước chiếm 25,1%.

Những tồn tại trên có nhiều nguyên nhân cả khách quan và chủ quan:

Về khách quan: Tỉnh có địa bàn rộng, dân số đông, có 11 huyện miền núi, địa hình hiểm trở, khó khăn cho việc tạo sự phát triển đồng đều. Điểm xuất phát thấp, nhất là kết cấu hạ tầng ở nhiều vùng còn hạn chế, trong khi đó, nguồn vốn đầu tư từ trung ương và nước ngoài vào Thanh Hoá còn thấp.

Về chủ quan: Các chính sách khuyến khích đầu tư của Thanh Hoá vẫn kém hấp dẫn, một số chính sách của Nhà nước và của tỉnh triển khai chậm. Tư tưởng ỷ lại, trông chờ vào cấp trên còn nặng, chưa năng động phát huy nội lực, hiệu quả quản lý, điều hành của các cấp còn hạn chế, bất cập.

Tóm lại vượt qua nhiều khó khăn, thách thức, tạo những nhân tố thuận lợi mới trong năm 2001 -2003 Thanh Hoá đã đạt những thành tích khá toàn diện trên tất cả các lĩnh vực trong tình hình chính trị - xã hội ổn định. Tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, năm sau cao hơn năm trước. Các nguồn lực cho đầu tư phát triển được huy động tốt, đã góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng phát huy lợi thế gắn với thị trường. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội tiếp tục được cải thiện. Đời sống nhân dân được nâng lên. Kết quả đó là kết tinh của ý Đảng, lòng dân, là sự năng động, sáng tạo và ý chí vươn lên của con người xứ Thanh, đã và đang là những tiền đề quan trọng để Thanh Hoá thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV ■